

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Quý 4 năm 2015*



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
<b>Khái quát về Công ty</b>	<b>2</b>
<b>Báo cáo tài chính</b>	<b>3 – 36</b>
Bảng cân đối kế toán	3 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 – 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 36

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

---

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt may G.Home trước đây là Công ty TNHH MTV G.Home, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500395568 ngày 20 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Công ty thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 18 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **96.000.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất bông tám, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất đệm;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hách	Chủ tịch
Ông Nguyễn Sinh Quyền	Ủy viên
Bà Trần Thị Kiều Nga	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Viện	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Trung	Ủy viên

### **GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Sinh Quyền	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	Kế toán trưởng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>195.139.321.215</b>	<b>197.266.616.382</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>825.854.605</b>	<b>922.926.874</b>
1.	Tiền	111		825.854.605	922.926.874
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>7.060.000.000</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121			7.060.000.000
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.000.000.000	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>101.955.374.046</b>	<b>107.454.606.646</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	84.524.360.890	77.971.908.023
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.068.586.887	11.766.183.559
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04		12.000.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	8.362.426.269	5.716.515.064
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>86.507.547.156</b>	<b>76.927.659.040</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.06	86.507.547.156	76.927.659.040
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.850.545.408</b>	<b>4.901.423.822</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	373.009.468	196.361.906
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.477.535.940	4.705.061.916
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>128.555.476.677</b>	<b>92.053.030.054</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	V.05	<b>2.332.845.400</b>	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		2.332.845.400	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>98.819.284.160</b>	<b>77.634.302.609</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	75.806.707.880	77.617.564.275
	- Nguyên giá	222		107.892.339.917	99.515.916.608
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32.085.632.037)	(21.898.352.333)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	23.012.576.280	-
	- Nguyên giá	225		23.653.716.362	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(641.140.082)	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	16.738.334
	- Nguyên giá	228		48.554.000	48.554.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(48.554.000)	(31.815.666)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.679.475.464</b>	<b>1.262.297.537</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	4.679.475.464	1.262.297.537
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>18.279.238.556</b>	<b>6.100.000.000</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.02	18.279.238.556	6.100.000.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.444.633.097</b>	<b>7.056.429.908</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	4.444.633.097	7.056.429.908
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>323.694.797.892</b>	<b>289.319.646.436</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>217.094.676.480</b>	<b>189.022.293.707</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>155.194.235.028</b>	<b>136.893.842.785</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	23.121.033.087	35.188.436.670
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.124.307.666	6.706.791.547
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.766.765.675	3.182.048.401
4.	Phải trả người lao động	314		-	10.215.465
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	274.057.103	259.413.338
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17		669.862.733
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	718.086.894	402.080.054
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	119.901.013.041	90.474.994.577
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		288.971.562	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>61.900.441.452</b>	<b>52.128.450.922</b>
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	650.465.472	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	61.249.975.980	52.128.450.922
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>106.600.121.412</b>	<b>100.297.352.729</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>106.600.121.412</b>	<b>100.297.352.729</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			96.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		461.695.416	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.138.425.996	4.297.352.729
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		3.143.114.186	(2.424.714.831)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.995.311.807	6.722.067.560
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>323.694.797.892</b>	<b>289.319.646.436</b>

Người lập biểu



Trịnh Thị Luân

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương Huyền

Vĩnh Phúc, ngày 28 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Sinh Quyền



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

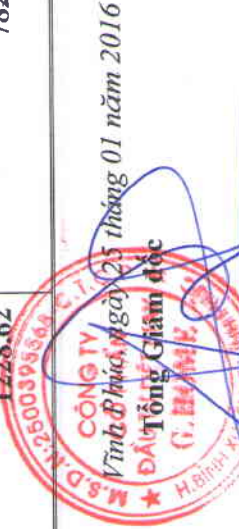
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Lũy kế từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Lũy kế từ 18/04/2014 đến 31/12/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	84.052.155.134	300.889.946.016	180.751.259.904
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		84.052.155.134	300.889.946.016	180.751.259.904
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	75.188.244.229	265.617.023.295	157.349.954.896
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.863.910.905	35.272.922.721	23.401.305.008
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	47.848.810	1.452.702.181	677.112.837
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	3.721.532.499	13.958.595.207	9.637.211.401
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.367.060.459	13.143.853.786	9.274.854.118
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	869.813.609	2.830.826.476	2.860.407.246
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	1.050.687.066	4.348.518.875	1.765.912.105
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.269.726.541	15.587.684.344	9.814.887.093
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	4.992.458	11.603.149	262.074.244
12.	Chi phí khác	32	VI.07	61.375.265	372.047.490	645.046.434
13.	Lợi nhuận khác	40		(56.382.807)	(360.444.341)	(387.972.190)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.213.343.734	15.227.240.003	9.431.914.903
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	725.053.634	3.432.487.831	1.922.273.507
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.488.290.100	11.794.752.172	7.509.641.396
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	259.19	1228.62	782
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71				

Người lập biểu

*Trịnh Thị Luân*  
 Trịnh Thị Luân

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Hương Huyền*  
 Nguyễn Thị Hương Huyền



Nguyễn Sinh Quyền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Lũy kế từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Lũy kế từ 18/04/2014 đến 31/12/2014
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		95.297.893.502	318.847.187.427	213.605.181.409
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(90.641.993.551)	(302.034.530.346)	(202.245.278.398)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.514.538.151)	(15.482.666.673)	(14.015.293.263)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(3.508.688.166)	(13.292.148.752)	(9.806.058.085)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		96.828.292	(325.783.232)	(330.931.476)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		96.828.292	15.268.084.270	7.726.746.333
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.481.993.593)	(7.673.292.457)	(896.635.041)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5.752.491.667)</b>	<b>(4.693.149.763)</b>	<b>(5.962.268.521)</b>
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		4.442.667	(3.455.375.514)	(19.065.801.327)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22				60.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(13.000.000.000)	31.673.000.000
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.001.000.000	19.061.000.000	21.444.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.479.238.556)	(18.279.238.556)	(13.160.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			6.100.000.000	593.966.115
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		43.384.559		
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.569.588.670</b>	<b>(9.573.614.070)</b>	<b>(41.800.835.212)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

ôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Lũy kế từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Lũy kế từ 18/04/2014 đến 31/12/2014
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31				29.900.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32				
3.	Tiền thu từ đi vay	33		55.171.839.453	225.297.638.388	131.373.423.251
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(54.968.368.079)	(203.840.460.755)	(112.587.392.644)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(390.000.511)	(8.043.771.106)	
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36				
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>40</b>		<b>(186.529.137)</b>	<b>13.413.406.527</b>	<b>48.686.030.607</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(369.432.134)</b>	<b>(853.357.306)</b>	<b>922.926.874</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.205.225.717</b>	<b>3.525.479.130</b>	
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.938.978)	5.998.403	
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>825.854.605</b>	<b>2.678.120.227</b>	<b>922.926.874</b>

Người lập biểu

*(Signature)*

Trịnh Thị Luân

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Nguyễn Thị Hương Huyền



Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 01 năm 2016

Nguyễn Sinh Quyền

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Quý 4 năm 2015 và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Sản xuất bông tấm, chăn vi tính;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục), sản xuất đệm;
- Mua bán hàng may mặc, mua bán phụ liệu may mặc;
- Gia công hàng may mặc.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Công ty sản xuất bông tấm, chăn vi tính, sản xuất đệm là những mặt hàng có thời gian sản xuất ngắn và luân chuyển trong sản xuất diễn ra nhanh.

**05. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Công ty liên doanh, liên kết:
  - + Công ty Cổ phần TEXNAM.

**06. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 không so sánh được do từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 Công ty chuyển đổi hình thức từ công ty TNHH MTV sang công ty cổ phần.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

### 04. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 năm
- Phần mềm kế toán	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao trong thời gian 48 -120 tháng theo thời gian sử dụng của TSCĐ

### 07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là khoản chi phí lãi tiền vay phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

## **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

## **V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

### **01. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	745.249.724	419.630.423
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	80.604.881	503.296.451
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>825.854.605</u></b>	<b><u>922.926.874</u></b>

**HÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 (theo quyết định Báo cáo tài chính (tiếp theo))

Đơn vị tính: VND

**Các khoản đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại NHTMCP đại chúng Việt Nam	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.000.000.000</b>	<b>3.000.000.000</b>	-	-

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần TEXNAM	18.279.238.556	18.279.238.556	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.279.238.556</b>	<b>18.279.238.556</b>	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

<b>Tên công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty Cổ phần TEXNAM	Cụm CN Lâm Thao, xã Hợp Hải, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ	50.7%	50.7%	Sản xuất bông tằm, chăn vi tính, gia công hàng may mặc.

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>84.524.360.890</b>	<b>77.971.908.023</b>
- Công ty Cổ phần Việt Đức Hà Nội	16.061.691.600	29.141.655.174
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	68.462.669.290	48.830.252.849
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>84.524.360.890</b>	<b>77.971.908.023</b>

**c. Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME	Cổ đông sở hữu 37,5% vốn điều lệ của Công ty	-	57.200.000
<b>Cộng</b>		-	<b>57.200.000</b>

**04. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH Tuấn Lợi (*)	-	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>12.000.000.000</b>

(\*) Là khoản tiền Công ty cho Công ty TNHH Tuấn Lợi vay theo hợp đồng vay tiền ngày 30 tháng 9 năm 2014 thời hạn vay 06 tháng và phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian vay đến ngày 30 tháng 9 năm 2015 với lãi suất 10%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8.362.426.269</b>	<b>-</b>	<b>5.716.515.064</b>	<b>-</b>
- Tạm ứng	6.596.662.324	-	3.522.189.611	-
+ Ông Nguyễn Sinh Quyền đặt cọc tiền hàng	3.000.454.150	-	3.500.000.000	-
+ Ông Nguyễn Quốc Hùng thủ tục xuất nhập khẩu	96.208.174	-	22.189.611	-
+ Ông Nguyễn Văn Hồng mua vật tư sản xuất, vật liệu xây nhà điều hành	3.500.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	2.194.325.453	-
+ Công ty TNHH Tuấn Lợi	-	-	306.666.000	-
+ Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa được khấu trừ	1.357.473.490	-	1.260.459.201	-
+ Các khoản phải thu khác	-	-	627.200.252	-
+ Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	408.290.455	-	-	-
<b>b. Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.362.426.269</b>	<b>-</b>	<b>5.716.515.064</b>	<b>-</b>

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	49.065.618.995	-	38.183.474.777	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.035.234.801	-	2.365.580.986	-
- Thành phẩm	3.925.813.809	-	11.435.187.547	-
- Hàng hoá	13.519.964.253	-	6.869.626.727	-
- Hàng gửi bán	18.960.915.298	-	18.073.789.003	-
<b>Cộng</b>	<b>86.507.547.156</b>	<b>-</b>	<b>76.927.659.040</b>	<b>-</b>

**07. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Xây dựng cơ bản	4.679.475.464	1.262.297.537
+ Công trình đường bê tông, nhà ăn	-	1.262.297.537
+ Công trình Nhà điều hành	4.679.475.464	-
<b>Cộng</b>	<b>4.679.475.464</b>	<b>1.262.297.537</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 in thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	26.793.699.734	69.666.596.876	3.055.619.998	99.515.916.608
- Mua trong kỳ	82.254.545	6.310.689.409	721.181.818	7.114.125.772
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.262.297.537	-	-	1.262.297.537
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	28.138.251.816	75.977.286.285	3.776.801.816	107.892.339.917
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	2.627.526.698	18.453.031.033	817.794.602	21.898.352.333
- Khấu hao trong kỳ	1.222.888.792	8.464.174.908	500.216.004	10.187.279.704
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	3.850.415.490	26.917.205.941	1.318.010.606	32.085.632.037
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	24.166.173.036	51.213.565.843	2.237.825.396	77.617.564.275
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	24.287.836.326	49.060.080.344	2.458.791.210	75.806.707.880

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 68.786.102.012 VND và 51.886.231.788 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Hội sở chính và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Thuê tài chính trong kỳ	23.653.716.362	23.653.716.362
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>23.653.716.362</b>	<b>23.653.716.362</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong kỳ	641.140.082	641.140.082
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>641.140.082</b>	<b>641.140.082</b>
<b>III. Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<b>23.012.576.280</b>	<b>23.012.576.280</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>48.554.000</b>	<b>48.554.000</b>
- Mua trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>48.554.000</b>	<b>48.554.000</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<b>31.815.666</b>	<b>31.815.666</b>
- Khấu hao trong kỳ	16.738.334	12.553.758
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<b>48.554.000</b>	<b>44.369.424</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<b>16.738.334</b>	<b>16.738.334</b>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	<b>4.184.576</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

**11. Chi phí trả trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>373.009.468</b>	<b>196.361.906</b>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	373.009.468	196.361.906
<b>b. Dài hạn</b>	<b>4.444.633.097</b>	<b>7.056.429.908</b>
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	4.444.633.097	7.056.429.908
<b>Cộng</b>	<b><u>4.817.642.565</u></b>	<b><u>7.252.791.814</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 báo cáo minh bạch Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>2. Vay và nợ thuê tài chính</b>						
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	90.474.994.577	90.474.994.577	219.876.563.946	190.450.545.482	119.901.013.041	119.901.013.041
<i>Vay ngân hàng</i>	90.474.994.577	90.474.994.577	219.876.563.946	190.450.545.482	119.901.013.041	119.901.013.041
- NH TMCP Quân Đội - CN	43.853.247.060	43.853.247.060	95.113.936.741	91.458.633.810	47.508.549.991	47.508.549.991
Thành Công (a1)	-	-	22.416.320.676		22.416.320.676	
+ NH TMCP Đại chúng VN - CN	-	-				
Đông Đa (a2)	46.621.747.517	46.621.747.517	102.346.306.529	98.991.911.672	49.976.142.374	49.976.142.374
+ NH TMCP Ngoại thương - Hội sở chính (a3)						
<b>b. Vay dài hạn</b>	52.128.450.922	52.128.450.922	4.921.393.906	13.393.182.994	43.656.661.834	43.656.661.834
Từ 1 năm đến 5 năm	52.128.450.922	52.128.450.922	4.921.393.906	13.393.182.994	43.656.661.834	43.656.661.834
<i>Vay ngân hàng</i>	7.806.609.500	7.806.609.500		1.970.732.000	5.835.877.500	5.835.877.500
+ NH TMCP Quân Đội - CN						
Thành Công (VND) (b1)	3.579.936.000	3.579.936.000	165.182.994	1.487.546.994	2.257.572.000	2.257.572.000
+ NH TMCP Quân Đội - CN						
Thành Công (USD) (b2)	40.741.905.422	40.741.905.422	4.206.210.912	9.854.404.000	35.596.453.422	35.093.712.334
+ NH TMCP Ngoại thương - Hội sở chính (b3)						
+ NH TMCP Đại chúng VN - CN	-	-	550.000.000	80.500.000	469.500.000	469.500.000
Đông Đa (b4)	-	-				
- <i>Vay đối tượng khác</i>	-	-				
Từ 4 năm đến 5 năm	-	-				
<b>c. Nợ thuê tài chính</b>	-	-	25.637.085.252	8.043.771.106	17.593.314.146	17.593.314.146
+ Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (c)	-	-	25.637.085.252	8.043.771.106	17.593.314.146	17.593.314.146
<b>Cộng</b>	<b>142.603.445.499</b>	<b>142.603.445.499</b>	<b>250.435.008.512</b>	<b>211.887.499.582</b>	<b>181.150.989.021</b>	<b>181.150.989.021</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 16.14.058.946980 ngày 31 tháng 3 năm 2014 với hạn mức tín dụng cam kết tối đa tại mọi thời điểm là 50.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ.
- (a2) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số HĐHMTD-TCKT-04/2015/PVCOMBANK-GHOME ngày 14 tháng 5 năm 2015 với hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động; lãi suất cho vay được ghi nhận cụ thể trong các khế ước nhận nợ, lãi suất áp dụng cho các khoản vay đến 30 tháng 6 năm 2015 là 8%/năm.
- (a3) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 150027/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 02 tháng 02 năm 2015 để bổ sung vốn lưu động; lãi suất từ 7%/năm đến 8%/năm.

#### **Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (b1) Là khoản vay VND theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 76.12.058.946980.TD ngày 05 tháng 10 năm 2012 để thanh toán một phần tiền mua máy móc, thiết bị của BUKYUNG và thanh toán một phần tiền mua 1 xe tải thùng nhãn hiệu THACO-TMB; lãi suất từ 16,8 - 17%/năm.
- (b2) Là khoản vay USD theo hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 33.12.058.946980.TD ngày 27 tháng 4 năm 2012 và hợp đồng số 34.12.058.946980.TD ngày 16 tháng 5 năm 2012 để thanh toán một phần hợp đồng nhập khẩu dây chuyền sản xuất đệm bông ép do Hàn Quốc sản xuất; lãi suất 9%/năm.
- (b3) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng số 01G.HOME/2010/ĐTDA-SGD ngày 24 tháng 5 năm 2010, số 02/TH-2013/MTV/GHOME-KH ngày 20 tháng 9 năm 2013 và số 01.2013/MTV/GHOME-KH ngày 11 tháng 3 năm 2013 để đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất đệm lò xo bông tằm, nhập khẩu máy móc và mua ô tô; lãi suất từ 8,8% đến 11,1%/năm.
- (b4) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số HĐCV-TCKT-02/2015/PVCOMBANK-GHOME ngày 14 tháng 5 năm 2015 để thanh toán một phần mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất theo quy định của PVCOMBANK tại thời điểm giải ngân và có sự điều chỉnh 03 tháng một lần.

#### **Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:**

- (c) Khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00029-000 ngày 26 tháng 3 năm 2015 ký giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê từ ngày 02 tháng 6 năm 2015 đến ngày 15 tháng 5 năm 2019. Lãi suất thuê là 4,66%/năm tính trên gốc thuê theo nguyên tệ (USD).

Và khoản nợ thuê tài chính theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00125-000 ngày 31/7/2015 ký giữa Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam và Công ty. Thời gian thuê là 60 tháng chưa đưa vào sử dụng. Lãi suất thuê 8.5%/ năm tính trên gốc thuê theo VNĐ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>23.121.033.087</b>	<b>-</b>	<b>35.188.436.670</b>	<b>-</b>
- B&P Co.,Ltd	3.920.220.000	-	3.716.640.000	-
- Guangxi Candently Import And Export co.LTD	3.266.850.000	-	2.015.261.600	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	15.933.963.087	-	29.456.535.070	-
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>23.121.033.087</b>	<b>-</b>	<b>35.188.436.670</b>	<b>-</b>

**c. Phải trả người bán là bên liên quan**



**HÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước						
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.260.459.201	1.805.811.677	1.328.457.953	-	1.737.812.925
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	157.931.483	3.351.664	-	154.579.819
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.921.589.200	3.432.487.831	642.842.889	-	4.711.234.142
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	163.138.789	-	-	163.138.789
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>3.182.048.401</b>	<b>5.562.369.780</b>	<b>1.977.652.506</b>	-	<b>6.766.765.675</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	274.057.103	259.413.338
- Chi phí lãi vay	274.057.103	259.413.338
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<u>274.057.103</u>	<u>259.413.338</u>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	718.086.894	402.080.054
- Bảo hiểm xã hội	718.086.894	344.880.054
- Cổ tức phải trả	-	57.200.000
- Phải trả khác	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
	<u>718.086.894</u>	<u>402.080.054</u>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	669.862.733
- Doanh thu nhận trước	-	669.862.733
<i>b. Dài hạn</i>	650.465.472	-
- Doanh thu nhận trước	650.465.472	-
<b>Cộng</b>	<u>650.465.472</u>	<u>669.862.733</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**18. Vốn chủ sở hữu**

*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	96.000.000.000	-	4.297.352.729	100.297.352.729
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ trước	-	-	9.306.462.072	9.306.462.072
Tăng khác	-	461.695.416	-	461.695.416
Phân phối lợi nhuận	-	-	(1.154.238.540)	(1.154.238.540)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối ngày 30/09/2015</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>461.695.416</b>	<b>12.449.576.261</b>	<b>108.911.271.677</b>
Số dư tại ngày 01/10/2015	-	-	-	-
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	2.488.290.100	2.488.290.100
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(4.799.440.365)	(4.799.440.365)
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>461.695.416</b>	<b>10.138.425.996</b>	<b>106.600.121.412</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Công ty mẹ	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác:	96.000.000.000	100%	96.000.000.000	100%
+ Công ty CP Tập đoàn G.HOME	36.000.000.000	37,5%	36.000.000.000	37,5%
+ Bà Trần Thị Kiều Nga	26.700.000.000	27,81%	26.700.000.000	27,81%
+ Các đối tượng khác	33.300.000.000	34,69%	33.300.000.000	34,69%
<b>Cộng</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>96.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Đơn vị tính: VND

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	96.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối kỳ	96.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Công ty**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	461.695.416	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>461.695.416</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**a) Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
- USD	1556,81	14.160,10

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

*Đơn vị tính: VND*

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</u>
- Doanh thu bán hàng	32.440.373.919
- Doanh thu bán thành phẩm	51.127.315.536
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	484.465.679
<b>Cộng</b>	<b>84.052.155.134</b>

**Mối quan hệ**

**Doanh thu đối với các bên liên quan**

- Công ty CP Tập đoàn G.HOME

Cổ đông sở hữu 37,5% vốn điều lệ của Công ty

Từ 01/12/2015  
đến 31/12/2015

280.500.000

**02. Giá vốn hàng bán**

- Giá vốn của hàng hóa đã bán
- Giá vốn của thành phẩm đã bán
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp

**Cộng**

Từ 01/10/2015  
đến 31/12/2015

25.464.273.782

49.438.079.948

285.890.499

**75.188.244.229**

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi do chuyển nhượng cổ phần

**Cộng**

Từ 01/10/2015  
đến 31/12/2015

43.384.559

4.464.251

**47.848.810**

**04. Chi phí tài chính**

- Lãi tiền vay
- Lỗ chênh lệch tỷ giá
- Chi phí tài chính khác (phí cam kết thuê tài chính, lãi thuê tài chính)

**Cộng**

Từ 01/10/2015  
đến 31/12/2015

3.367.060.459

229.218.331

125.253.709

**3.721.532.499**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</b>
<b><i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i></b>	<b>1.050.687.066</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	432.795.961
- Chi phí vật liệu quản lý	75.556.519
- Chi phí đồ dùng văn phòng	11.660.432
- Chi phí khấu hao TSCĐ	38.748.110
- Thuế, phí và lệ phí	20.112.269
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.673.913
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	168.139.862
<b><i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i></b>	<b>869.813.609</b>
- Chi phí nhân viên	275.948.270
- Chi phí vật liệu, bao bì	325.777.228
- Chi phí khấu hao TSCĐ	134.885.781
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.553.183
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	23.649.147
<b><i>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i></b>	<b>-</b>
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	-
- Các khoản ghi giảm khác	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>

**06. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</b>
- Các khoản khác	4.992.458
<b>Cộng</b>	<b>4.992.458</b>

**07. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</b>
- Chi phạt chậm nộp bảo hiểm và thuế	14.779.657
- Chi phí khác( chi phí khác)	46.596.506
<b>Cộng</b>	<b>61.376.163</b>

**08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/10/2015 đến 31/12/2015</b>
<b><i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i></b>	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.213.343.734
Các khoản điều chỉnh tăng	82.354.602
<b><i>Chi phí phạt chậm nộp</i></b>	
<b><i>Chi phí thuế GTGT không được hoàn</i></b>	
<b><i>Chi phí không có hóa đơn chứng từ</i></b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.295.698.336
Thuế suất thuế TNDN	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>725.053.634</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	3.986.180.508
Thuế TNDN thực nộp trong kỳ	
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>4.711.234.142</b>

**09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/10/2015</b>
	<b>đến 31/12/2015</b>
	<hr/>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.488.290.100
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.799.440.365
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<hr/> <b>259.19</b> <hr/>

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/10/2015</b>
	<b>đến 31/12/2015</b>
	<hr/>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.478.808.602
- Chi phí nhân công	3.715.620.168
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.683.316.049
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.143.711.898
- Chi phí khác bằng tiền	223.561.710
<b>Cộng</b>	<hr/> <b>60.245.018.427</b> <hr/>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	<b>Từ 01/10/2015</b>
	<b>đến 30/12/2015</b>
	<hr/>
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính.	1.045.378.660

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*  
**Từ 01/10/2015**  
**đến 31/12/2015**

**Ban điều hành**

Cho Ông Nguyễn Sinh Quyền tạm ứng

9.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ban điều hành</b>		
+ Tạm ứng cho Ông Nguyễn Sinh Quyền	3.000.454.150	3.500.000.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>3.000.454.150</b>	<b>3.500.000.000</b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

**Từ 01/10/2015**  
**đến 31/12/2015**

Tiền lương

28.500.000

**Cộng**

**28.500.000**

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty liên kết và doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME

Cổ đông sở hữu 37,5% vốn điều lệ của Công ty

Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME

Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn G.Home

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

**Từ 01/10/2015**  
**đến 31/12/2015**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME**

+ Cho thuê máy móc, thiết bị

280.500.000

+ Mua hàng

20.311.898.313

**Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME**

+ Mua hàng

-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn G.HOME</b>		
+ Trả trước cho người bán	5.486.756.446	5.572.879.360
+ Phải thu khách hàng	-	57.200.000
<b>Công ty TNHH MTV dệt và nội thất G.HOME</b>		
+ Trả trước cho người bán	1.998.754.885	1.064.809.885
+ Phải trả người bán		

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Sản xuất bông, dệt, chần; gia công hàng may mặc
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại bông, dệt, ruột chần, ruột gối.
- Lĩnh vực 3: Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, máy móc..

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 và thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực 1	Lĩnh vực 2	Lĩnh vực 3	Cộng
<b>Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015</b>				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	51.127.315.536	32.440.373.919	484.465.679	84.052.155.134
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Chi phí phân bổ	49.415.404.147	30.984.705.914	317.762.558	80.717.872.619
Lợi nhuận từ hoạt động KD	<b>1.711.911.389</b>	<b>1.391.112.031</b>	<b>166.703.121</b>	<b>3.269.726.541</b>
Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản	814.709.238	516.934.481	7.719.918	1.339.363.637
Chi hạn				
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả	4.787.919.511	321.816.571	4.806.020	5.114.542.102
Chi phí trước dài hạn				
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>				
Tài sản thực tiếp của bộ phận	231.209.621.812	69.052.991.687	829.328.716	301.091.942.215
Tài sản không phân bổ				22.602.855.677
<b>Tổng tài sản</b>	<b>231.209.621.812</b>	<b>69.052.991.687</b>	<b>829.328.716</b>	<b>323.694.797.892</b>
Nợ phải trả bộ phận	131.887.828.503	83.683.065.053	1.249.825.821	216.820.619.377
Nợ phải trả không phân bổ				274.571.103
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>131.887.828.503</b>	<b>83.683.065.053</b>	<b>1.249.825.821</b>	<b>217.094.676.480</b>

**Khu vực địa lý:**

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Trong lãnh thổ Việt Nam;
- Ngoài lãnh thổ Việt Nam.

**Từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015**

Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài  
 Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận  
 Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và  
 tài sản dài hạn khác

	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
	77.228.552.600	6.823.602.531	84.052.155.134
	278.283.751.877	24.588.026.704	302.871.778.581
	8.142.273.635	719.418.364	8.861.691.999

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
 thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
 in thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
tiền và các khoản tương	825.854.605	922.926.874	825.854.605	922.926.874
ương tiền				
hái thu khách hàng và	85.881.834.380	78.905.774.275	85.881.834.380	78.905.774.275
hái thu khác				
ầu tư tài chính ngắn hạn	3.000.000.000	19.060.000.000	3.000.000.000	19.060.000.000
ầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>89.707.688.985</b>	<b>98.888.701.149</b>	<b>89.707.688.985</b>	<b>98.888.701.149</b>

**Giá trị sổ sách**

Số cuối kỳ	Số đầu năm	Giá trị hợp lý	Số đầu năm
23.121.033.087	35.188.436.670	23.121.033.087	35.188.436.670
181.150.989.021	142.603.445.499	181.150.989.021	142.603.445.499
274.057.103	259.413.338	274.057.103	259.413.338
718.086.894	57.200.000	718.086.894	57.200.000
<b>205.264.166.105</b>	<b>178.108.495.507</b>	<b>205.264.166.105</b>	<b>178.108.495.507</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Số cuối kỳ	Số đầu năm	Giá trị hợp lý	Số đầu năm
35.188.436.670	142.603.445.499	35.188.436.670	142.603.445.499
181.150.989.021	259.413.338	181.150.989.021	259.413.338
274.057.103	718.086.894	274.057.103	718.086.894
718.086.894	57.200.000	718.086.894	57.200.000
<b>205.264.166.105</b>	<b>178.108.495.507</b>	<b>205.264.166.105</b>	<b>178.108.495.507</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME

Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho công ty khác và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

### 05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	23.121.033.087	-	-	23.121.033.087
Vay và nợ	119.901.013.041	61.249.972.980	-	181.150.989.021
Chi phí phải trả	274.057.103	-	-	274.057.103
Các khoản phải trả khác	718.086.894	-	-	718.086.894
<b>Cộng</b>	<b><u>144.014.190.125</u></b>	<b><u>61.249.972.980</u></b>	<b>-</b>	<b><u>205.264.166.105</u></b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	35.188.436.670	-	-	35.188.436.670
Vay và nợ	90.474.994.577	52.128.450.922	-	142.603.445.499
Chi phí phải trả	259.413.338	-	-	259.413.338
Các khoản phải trả khác	57.200.000	-	-	57.200.000
<b>Cộng</b>	<b><u>125.980.044.585</u></b>	<b><u>52.128.450.922</u></b>	<b>-</b>	<b><u>178.108.495.507</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**06. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**07. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 18 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Trong đó, một số tài khoản được trình bày lại về chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính để phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hiện hành, cụ thể:

STT	Tên tài khoản	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC tại 31/12/2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Cho vay ngắn hạn	12.000.000.000	Đầu tư ngắn hạn	121	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135
2	Tạm ứng	6.649.038.702	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỆT MAY G.HOME**  
Thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**08. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Vĩnh Phúc, ngày 25 tháng 01 năm 2016

**Người lập biểu**



**Trịnh Thị Luân**

**Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Hương Huyền**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Sinh Quyền**

